

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-5-2023

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Ông Nguyễn Nam Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Ô, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ đơn khởi kiện và các lời khai của bà Nguyễn Thị Kiều T thể hiện như sau: Bà và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29/01/2004; quá trình chung

sống với ông Nguyễn Văn Q có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 hiện do ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 đã trưởng thành. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2020 đến nay vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn Q có tính gia trưởng, bắt vợ con phải theo ý của mình, không cho bà có quyền tự do giải quyết vấn đề trong cuộc sống, dù đó là lý do chính đáng; bà với ông Nguyễn Văn Q đã không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm. Nay bà Nguyễn Thị Kiều T xét thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn Q nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 hiện nay đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trình bày như sau: Ông có lời khai thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kiều T về thời điểm chung sống, đăng ký kết hôn, về tài sản chung và về nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Nguyễn Văn Q cho rằng giữa ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không có mâu thuẫn gì lớn, do bà Nguyễn Thị Kiều T không muốn sống chung với ông, bà Nguyễn Thị Kiều T đã bỏ đi cách đây 02 năm, từ đó ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không còn liên lạc và quan tâm lẫn nhau. Nay ông Nguyễn Văn Q xét thấy không còn tình cảm với bà Nguyễn Thị Kiều T nên ông Nguyễn Văn Q có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Q thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều T.

Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không tranh chấp nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 29/01/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Nguyễn Thị Kiều T cho rằng là do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn Q có tính gia trưởng, bắt vợ con phải theo ý của mình, không cho bà có quyền tự do giải quyết vấn đề trong cuộc sống, dù đó là lý do chính đáng, bà và ông Nguyễn Văn Q đã không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm; ông Nguyễn Văn Q cho rằng giữa ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không có mâu thuẫn gì lớn, do bà Nguyễn Thị Kiều T không muốn sống chung với ông, bà Nguyễn Thị Kiều T đã bỏ đi cách đây 02 năm, từ đó ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không còn liên lạc và quan tâm lẫn nhau; nay bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ly hôn và ông Nguyễn Văn Q cũng thống nhất ly hôn. Xét thấy, mối quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q hiện tại thì vợ chồng đã ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn liên lạc; vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Từ đó cho thấy rằng mối quan hệ vợ chồng giữa bà Thu và ông Quẹo đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều T, bà Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q thống nhất khi ly hôn bà Nguyễn Thị Kiều T giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Kiều T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Theo bản tự khai ngày 06/4/2023 của Nguyễn Thị Hồng C, khi cha, mẹ ly hôn thì Nguyễn Thị Hồng C có nguyện vọng được sống với cha là ông Nguyễn Văn Q, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q, tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Văn Q không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều T và bị đơn ông Nguyễn Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Nguyễn Thị Kiều T cho rằng là do thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn Q có tính gia trưởng, bắt vợ con phải theo ý của mình, không cho bà có quyền tự do giải quyết vấn đề trong cuộc sống, dù đó là lý do chính đáng, bà và ông Nguyễn Văn Q đã không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm; ông Nguyễn Văn Q cho rằng giữa ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không có mâu thuẫn gì lớn, do bà Nguyễn Thị Kiều T không muốn sống chung với ông, bà Nguyễn Thị Kiều T đã bỏ đi cách đây 02 năm, từ đó ông và bà Nguyễn Thị Kiều T không còn liên lạc và quan tâm lẫn nhau; nay bà Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q và ông Nguyễn Văn Q có ý kiến thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều T. Xét về mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q hiện tại đã ly thân, mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; mối quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kiều T, bà Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; ông Nguyễn Văn Q có ý kiến yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010; cháu Nguyễn Thị Hồng C cũng có nguyện vọng được sống chung với cha là ông Nguyễn Văn Q; ý kiến này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Riêng con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông Nguyễn Văn Q không tranh chấp, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T cấp dưỡng con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kiều T, cho bà Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Chấp nhận ý kiến thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q. Giao cháu Nguyễn Thị Hồng C, sinh ngày 21/3/2010 cho ông Nguyễn Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Hồng C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 08/01/2004 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn Q không tranh chấp, không yêu cầu bà Nguyễn Thị Kiều T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009185 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Bà Nguyễn Thị Kiều T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tính